

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ**

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2024

V/v “*Ly hôn*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Hội thẩm nhân dân:

. Ông VÕ KHẮC CHUÔNG

. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

-Thư ký phiên tòa: Bà VY TRẦN BẢO PHƯƠNG – Thư ký Tòa án huyện Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 581/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Đinh Ngọc K**, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nơi ở hiện nay: 81/12, H, Phường 12, Quận V, TP.Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông K vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt làm việc, hoà giải, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo các bản khai, đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên**

đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng quen biết, tìm hiểu. Sau đó đi đến kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại H, xã N, huyện Đ. Hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, tình cảm ngày càng phai nhạt. Hiện ông K đã đi làm ăn ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi ly hôn ông K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đinh Ngọc Thế Q, sinh 07/11/ 1998 và Đinh Ngọc Thế P, sinh ngày 23/6/2002 đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn ông Đinh Ngọc K trình bày: (Theo đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi chấp nhận ly hôn bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đinh Ngọc Thế Q, sinh 07/11/ 1998 và Đinh Ngọc Thế P, sinh ngày 23/6/2002 đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng do ông K vắng mặt, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho ông K biết.

Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Đinh Ngọc K; Về con chung: Các con đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ông K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà N. Đồng ý ly hôn, 02 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:***

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đinh Ngọc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn ông Đinh Ngọc K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đinh Ngọc K kết hôn có đăng ký kết hôn theo luật định. Theo bà N trình bày vợ chồng chung hạnh phúc năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, tình cảm ngày càng phai nhạt. Hiện ông K đã đi làm ăn ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết ông K đã nhận đầy đủ thông báo thụ lý vụ án...ông K đồng ý ly hôn bà N và yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đ giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà N.

Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông K tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông K cũng đồng ý ly hôn nên xử chấp nhận cho bà N được ly hôn ông K là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: 02 con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà N nhận chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào:

- Điều 33, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điều 27, 35, 203, 220 và điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;
- Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về nội dung: Xử

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đinh Ngọc K.

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0003295 ngày 14.11.2023 của Chi cục THA Dân sự huyện Đ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bà N và ông K có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT LĐ
- VKSND H.ĐT
- UBND xã N.
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Yến Như